TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÀ TĨNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 23/2025/HS- ST
Ngày: 04/4/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH:

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Khắc Hoàn.

Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thành, ông Bùi Văn Hồng và ông Võ Anh Tuấn.

- Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Soan, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị P Thanh, Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 3 năm 2025 và ngày 04 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân tỉnh Hà Tĩnh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 91/2024/TLST-HS, ngày 30 tháng 12 năm 2024 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2025/QĐXXST-HS, ngày 12 tháng 02 năm 2025 Quyết định hoãn phiên toà số 06/2025/HSST- QĐ, ngày 27 tháng 02 năm 2025, Thông báo mở lại phiên tòa số 448/TB-TA ngày 14 tháng 3 năm 2025 và Quyết định tạm ngưng phiên tòa số 01/2025/QĐST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2025 đối với bị cáo:

Thái Thị P, sinh ngày 18/7/1987, tại xã Kỳ T, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi cư trú: Thôn Sơn T, xã Kỳ T, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Chỗ ở: Thôn Sơn T, xã Kỳ T, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 05/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông Thái Viết Hải (đã chết) và bà Bùi Thị Oanh, sinh năm 1965; Anh chị em ruột: Có 07 người, bị cáo là con thứ 2; Chồng Trần Văn Hùng, sinh năm 1983 (đang xuất khẩu lao động); Con: 03 người (lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2014);

*Tiền án, tiền sự: Không

*Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp "Cấm đi khỏi nơi cư trú" từ ngày 11/7/2024 đến nay, hiện đang cư trú thôn Sơn Thịnh, xã Kỳ Tiến, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. (*Có mặt tại phiên tòa*)

*Người bào chữa cho bị cáo Thái Thị P có: Ông Phan Quốc Thành, Luật sư Văn phòng luật sư An Phát thuộc Đoàn luật sư tỉnh Hà Tĩnh. (*Có mặt*)

**Bị hại:*

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1963; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn Sơn T, xã Kỳ T, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chị Nguyễn Thị S, sinh năm 1985; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn Phú L, xã Kỳ P, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Chị Đào Thị M, sinh năm 1983; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Số nhà 361H/2 khu nhà ở phố Hồng T, phường An P, thành phố TAn, tỉnh Bình Dương.

4. Anh Nguyễn Văn P, sinh năm: 1986; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn Trung C, xã Trung P C, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

(*Bà Nguyễn Thị T có mặt, chị Nguyễn Thị S, chị Đào Thị M và anh Nguyễn Văn P có đơn xin xét xử vắng mặt*)

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Lê Thị Ngọc T, sinh năm: 1992; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn Nam T, xã Kỳ B, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Chị Phạm Thị Bích N, sinh năm: 1990; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn Phú T, xã Kỳ P, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Anh Đặng Văn V, sinh năm: 1972; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Tổ dân phố 7, phường Nam H, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

4. Anh Nguyễn Văn H, sinh năm: 1993; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn Điền T, Xã Điền T, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

5. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm: 1967; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn Điền T, xã Điền T, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

6. Anh Cao Văn B, sinh năm: 1987; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn K, xã Điền T, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hoá.

7. Anh Trần Huy C, sinh năm: 1990; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Ngõ 15 đường Trần P, phường Trần P, thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

8. Chị Trần Thị D, sinh năm: 1974; nghề nghiệp: Lao động tự do.

Nơi cư trú: Thôn Phú H, xã Kỳ P, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

(*Anh Cao Văn B có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; Chị Lê Thị Ngọc T, chị Phạm Thị Bích N, anh Đặng Văn V, anh Nguyễn Văn H, ông Nguyễn Văn K, anh Trần Huy C và chị Trần Thị D vắng mặt không có lý do*)

**Người làm chứng:*

1. Anh Tô Văn D, sinh năm: 1994; (*Có mặt*)

Nơi cư trú: Thôn Sơn T, xã Kỳ T, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

2. Anh Nguyễn Văn A, sinh năm: 2005; (*Vắng mặt*)

Nơi cư trú: Thôn Phú H, xã Kỳ P, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong quá trình điều tra đã chứng minh được trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 4/2024 Thái Thị P đã có hành vi đưa ra các thông tin gian dối như có khả năng đưa được người đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, bản thân giữ chức vụ Trưởng phòng địa chính Uỷ ban nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh khi tham gia đấu thầu có khả năng trúng các lô đất tái định cư tại dự án đường cao tốc Bắc Nam đi qua địa bàn huyện Kỳ Anh làm cho người bị hại tin tưởng chuyển tiền rồi chiếm đoạt. Cụ thể như sau:

1. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 262.000.000 đồng của chị Nguyễn Thị Thuận, sinh năm 1963, trú tại thôn Sơn Thịnh, xã Kỳ Tiến, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Thái Thị P và chị Nguyễn Thị Tquen biết nhau từ trước, tháng 5/2022, P biết chị Tđang có nhu cầu làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động Hàn Quốc cho con trai là anh Dnên P nói dối với chị Tlà P đang nhận làm thủ tục cho nhiều người đi xuất khẩu lao động theo D E7 tại Hàn Quốc, công việc làm thợ Hàn hoặc thợ đóng tàu, mức lương khoảng 60.000.000 đồng/01 tháng, chi phí ăn ở do công ty chi trả. P hứa với chị Ttrong thời hạn 06 tháng (tính từ khi chị Tnộp tiền đặt cọc cho P) thì anh Dsẽ có Visa và xuất cảnh Sg Hàn Quốc để làm việc. Tin tưởng P, từ ngày 25/5/2022 đến ngày 16/7/2022, chị Nguyễn Thị Tđã 04 lần chuyển giao tổng số tiền 262.000.000 đồng cho Thái Thị P, cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 25/5/2022, chị Nguyễn Thị Tgiao 47.000.000 đồng cho P để P đăng ký thủ tục làm hồ sơ xuất khẩu lao động cho anh Tô Văn D.

Lần thứ hai: Ngày 06/6/2022, chị Nguyễn Thị Tgiao 48.000.000 đồng cho P để nộp chi phí đi xuất khẩu lao động cho anh Tô Văn D.

Lần thứ ba: Ngày 11/7/2022, chị Nguyễn Thị Tgiao 105.000.000 đồng cho P để hoàn tất thủ tục xin visa cho anh Tô Văn D.

Lần thứ tư: Ngày 16/7/2022, chị Nguyễn Thị Tgiao 62.000.000 đồng cho P để làm thủ tục cho anh Dbay Sg Hàn Quốc.

Ngay sau khi nhận tiền của chị T, P đã sử dụng để trả nợ và tiêu xài cá nhân. Hết thời hạn 06 tháng nhưng anh D không có visa như P đã hẹn trước đó nên chị Tnhiều lần hỏi P về việc cấp visa và đề nghị cung cấp thông tin công ty mà P nộp hồ sơ cho anh D thì P nói dối là Công ty đang trong quá trình xử lý. Sau đó, P tiếp tục cam kết với chị Tđến giữa năm 2023, công ty sẽ cấp visa cho anh D đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Đến tháng 10/2023, chị Tvẫn không nhận được hồ sơ xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc cho anh Dnên yêu cầu P trả lại toàn bộ số tiền. Tuy nhiên, do không có tiền để trả lại cho chị Tnên đến tháng 12/2023, P liên hệ với người đàn ông tên Long (không rõ thông tin, lai lịch) trên mạng Facebook để làm thủ tục xuất khẩu lao động cho anh Dnhưng không thực hiện được.

Như vậy, Thái Thị P đã 04 lần lừa đảo chiếm đoạt của chị Nguyễn Thị Tvới tổng số tiền là 262.000.000 đồng. Hiện nay, Thái Thị P đã trả 15.000.000 đồng cho chị Nguyễn Thị Thuận, chị Tyêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền là 247.000.000 đồng nhưng bị cáo chưa bồi thường.

2. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 250.000.000 đồng của chị S, sinh năm 1985, trú tại thôn Phú Lợi, xã Kỳ Phú, huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

Khoảng tháng 11/2023, P biết chị S có nhu cầu làm thủ tục đi xuất khẩu lao động cho con trai là anh Nguyễn Văn A. Đến cuối tháng 12/2023, P nói dối với chị S có 02 suất đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc do hai người ở Nghệ An làm hồ sơ nhưng không đi, nay một suất P đang làm cho anh D(con trai chị Thuận), suất còn lại sẽ ưu tiên làm cho con trai chị S đi cùng. Vì là trường hợp bổ sung nên thời gian làm thủ tục đi xuất khẩu lao động rất nhanh, trong thời hạn 01 tháng sẽ xuất cảnh được Sg Hàn Quốc theo hình thức xin visa du lịch, khi nhập cảnh đến Hàn Quốc sẽ có người quen của P sắp xếp công việc cho anh Nguyễn Văn A làm nông nghiệp. Vì thế nên chị S đã 03 lần đưa cho Thái Thị P tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 12/01/2024, chị S giao 30.000.000 đồng cho P để đặt cọc đăng ký làm hồ sơ và làm hộ chiếu xuất khẩu lao động cho anh Nguyễn Văn A.

Lần thứ hai: Ngày 13/01/2024, chị S chuyển khoản 30.000.000 đồng từ tài khoản ngân hàng số 1037751893 Ngân hàng Vietcombank mang tên S đến tài khoản ngân hàng số 0201000684373 Ngân hàng BIDV mang tên Thái Thị P để hoàn thiện hồ sơ.

Lần thứ ba: Ngày 15/01/2024, chị S tiếp tục đưa 190.000.000 đồng cho P để làm visa cho anh Nguyễn Văn A xuất cảnh đi lao động tại Hàn Quốc trong tháng 02/2024.

Sau khi nhận tiền của chị S, P đã sử dụng trả nợ và chi tiêu cá nhân. Đến cuối tháng 3/2024, anh Nguyễn Văn A vẫn không có hồ sơ đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc nên chị S yêu cầu P trả lại tiền. Tuy nhiên, Thái Thị P đưa ra các lý do khác nhau và thực hiện hành vi chiếm đoạt tiền của người khác (chị Đào Thị M) để trả lại cho chị S số tiền 80.000.000 đồng.

Như vậy, Thái Thị P đã 03 lần lừa đảo chiếm đoạt của chị S với tổng số tiền là 250.000.000 đồng. Hiện nay, Thái Thị P đã trả số tiền 80.000.000 đồng cho chị S, chị S yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền là 170.000.000 đồng nhưng bị cáo chưa bồi thường.

3. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 536.000.000 đồng của chị Đào Thị M, sinh năm 1983, trú tại số nhà 361H/2 khu nhà ở phố Hồng Thịnh, phường An Phú, thành phố TAn, tỉnh Bình Dương.

Tháng 9/2023, Thái Thị P quen biết chị Đào Thị M và 02 người thường xuyên đi chơi với nhau. Khoảng tháng 02/2024, P nói với chị M là P đang giữ chức vụ Trưởng phòng địa chính Uỷ ban nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh và hiện có Dự án đường cao tốc Bắc Nam đi qua địa bàn huyện Kỳ Anh đang làm thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng cho người dân có đất trên dự án, trước khi giao đất tái định cư cho người dân, Phòng địa chính huyện sẽ tiến hành đấu thầu kín, nếu trúng đấu thầu sẽ thu lợi nhuận cao nên đặt vấn đề với chị M đưa tiền cho P để nộp tham gia đấu thầu. P nói với chị M số tiền đặt cọc tham gia đấu thầu là 30.000.000 đồng/01 lô đất, sau 10 ngày hoặc 20 ngày sẽ bàn giao đất cho dân. Lúc này, người dân phải trả chi phí cao hơn so với giá do P đấu thầu, từ đó sẽ thu được lợi nhuận từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng/01 lô đất. P nói với chị M sau 10 ngày giao đất cho người dân sẽ lấy lại khoản tiền gốc và lợi nhuận để chia cho chị M. Vì thế trong khoảng thời gian từ ngày 19/02/2024 đến ngày 02/4/2024, chị M đã 11 lần chuyển tiền cho P với tổng số tiền là 536.000.000 đồng để tham gia đấu thầu đất tái định cư. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Ngày 19/2/2024, chị M chuyển khoản cho P 1.000.000 đồng;

Lần thứ hai: Ngày 20/2/2024, chị M chuyển khoản cho P 150.000.000 đồng;

Lần thứ ba: Ngày 04/3/2024, chị M chuyển khoản cho P 20.000.000 đồng;

Lần thứ tư: Ngày 06/3/2024, chị M chuyển khoản cho P 20.000.000 đồng;

Lần thứ năm: Ngày 07/3/2024, chị M chuyển khoản cho P 100.000.000 đồng;

Lần thứ sáu: Ngày 14/3/2024, chị M chuyển khoản cho P 5.000.000 đồng;

Lần thứ bảy: Ngày 15/3/2024, chị M chuyển khoản cho P 15.000.000 đồng;

Lần thứ tám: Ngày 27/3/2024, chị M chuyển khoản cho P 5.000.000 đồng;

Lần thứ chín: Ngày 28/3/2024, chị M chuyển khoản cho P 125.000.000 đồng;

Lần thứ mười: Ngày 29/3/2024, chị M chuyển khoản cho P 25.000.000 đồng;

Lần thứ mười một: Ngày 02/4/2024, chị M chuyển khoản cho P 70.000.000 đồng.

Mỗi lần yêu cầu chị M chuyển tiền, P đều đưa ra các lý do khác nhau như nộp tiền làm thủ tục đăng ký hồ sơ, nộp tiền phí, tiền đặt cọc tham gia đấu thầu. Đến hạn, chị M hỏi P về khoản tiền đầu tư thì P nói dối tiền lợi nhuận của chị M được 135.000.000 đồng nhưng tài khoản của P đã bị ngân hàng khóa nên không thể chuyển khoản trả tiền cho chị M. Do chị M liên tục yêu cầu P trả lại tiền nên từ ngày 03/5/2024 đến ngày 06/5/2024, P chuyển khoản trả cho chị M 17.000.000 đồng.

Như vậy, Thái Thị P đã 11 lần lừa đảo chiếm đoạt của chị Đào Thị M với tổng số tiền là 536.000.000 đồng. Hiện nay, Thái Thị P đã trả số tiền 17.000.000 đồng cho chị Đào Thị M, chị M yêu cầu bị cáo tiếp tục bồi thường số tiền là 519.000.000 đồng nhưng bị cáo chưa bồi thường.

4. Hành vi lừa đảo chiếm đoạt 123.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn P,sinh năm 1986, trú tại thôn Trung Cần, xã Trung P Cường, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An.

Tháng 9/2023, Thái Thị P quen biết anh Nguyễn Văn P và thường cùng nhau tổ chức đi du lịch. Tháng 3/2024, P đặt vấn đề với anh P chuyển tiền cho P để cùng mua bán đất, P hẹn trong thời gian 01 tháng sẽ chia lợi nhuận cho anh P. Ngày 20/3/2024, anh P chuyển khoản cho P 62.000.000 đồng. Đến đầu tháng 4/2024, P nói với anh P là muốn mua thêm mấy lô đất nhưng không còn tiền, rủ anh P góp tiền cùng mua để kiếm lời. Sau đó, P gửi ảnh thửa đất của chị Trần Thị D (đây là thửa đất trước đó P đặt cọc 30.000.000 đồng nhưng sau đó P không có tiền thanh toán nên P đã thống nhất với chị Dung bán lại cho người khác) do P chụp trước đó cho anh P và nói dối thửa đất này đang làm bìa, giờ cần tiền để đặt cọc. Đồng thời, P còn nói dối hiện nay nguồn đất nhiều nhưng không có tiền để đầu tư vì đang "ôm 25 lô" liên quan dự án cao tốc Bắc Nam. Nên ngày 03/4/2024, anh Nguyễn Văn P tiếp tục chuyển cho P 61.000.000 đồng. Đến ngày 10/4/2024, anh P hỏi P về khoản lợi nhuận thì P cam kết đến ngày 30/4/2024 sẽ trả cho anh P 200.000.000 đồng. Tuy nhiên khi đến hạn, anh P nhiều lần yêu cầu P trả lại tiền nhưng P không có khả năng chi trả.

Như vậy, Thái Thị P đã 02 lần lừa đảo chiếm đoạt của anh Nguyễn Văn P với tổng số tiền là 123.000.000 đồng. Hiện nay, anh Nguyễn Văn P yêu cầu bị cáo Thái Thị P bồi thường số tiền 123.000.000 đồng nhưng bị cáo chưa bồi thường.

Vật chứng, tài liệu đã thu giữ: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu giữ của bị cáo Thái Thị P 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ, gắn thẻ sim điện thoại có số thuê bao: 0332.551.189. Số vật chứng này được chuyển đến Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh để xử lý theo quy định của pháp luật.

Bản cáo trạng số 05/CT-VKS-P2 ngày 26/12/2024 của Viện kiểm sát nhân

dân tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo Thái Thị P về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo qy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. (BLHS)

Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, Vị đại D Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh giữ quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm như cáo trạng đã truy tố, đồng thời phân tích các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52, tiết đầu điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Thái Thị P mức án từ 12 năm 06 tháng đến 13 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp ổn định không có tài sản riêng nên đề nghị HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 357, 585, 586 và Điều 589 BLDS buộc bị cáo phải bồi thường cho 04 người bị hại số tiền cụ thể như sau: Chị Nguyễn Thị Tsố tiền 244.700.000 đồng; chị S số tiền 170.000.000 đồng; chị Đào Thị M số tiền 519.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn P số tiền 123.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS: Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ; tịch thu tiêu hủy: 01 thẻ sim điện thoại di động có số thuê bao 0332.551.189.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Luật sư Phan Quốc Thành phát biểu bài bào chữa cho bị cáo Thái Thị P với nội dung: Bị cáo sau khi phạm tội đã thành khẩn khai báo, đã bồi thường được một phần thiệt hại khắc phục hậu quả, hoàn cảnh gia đình khó khăn đang nuôi con nhỏ, gia đình có ông nội là liệt sĩ, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ cho bị cáo.

Tại phiên tòa bị cáo Thái Thị P không có ý kiến gì tranh luận với quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và thừa nhận quyết định truy tố của Viện kiểm sát là đúng.

Tại phiên tòa người bị hại chị Nguyễn Thị Thuận hoàn toàn đồng tình với quan điểm đề nghị giải quyết vụ án của Kiểm sát viên và không có ý kiến gì tranh luận thêm, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo Thái Thị P nói lời nói sau cùng: Bị cáo nhận thức được sai phạm của mình xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qúa trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, Luật sư bào chữa cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan

không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, những người bị hại gồm anh Nguyễn Văn Phúc, chị Đào Thị M và chị Nguyễn Thị S có đơn xin xét xử vắng mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Cao Văn Bằng có đơn xin xét xử vắng mặt; chị Lê Thị Ngọc T, chị Phạm Thị Bích N, anh Đặng Văn V, anh Nguyễn Văn H, anh Nguyễn Văn K, anh Trần Huy C, chị Trần Thị D vắng mặt không có lý do. Quá trình điều tra những người bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đã có lời khai, nội dung vụ án đã được làm rõ nên việc vắng mặt những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người này theo quy định tại khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự là phù hợp.

[3]. Về hành vi phạm tội của bị cáo Hội đồng xét xử nhận thấy, tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Thái Thị P khai nhận: Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2022 đến tháng 4/2024 bị cáo đã nhiều lần đưa ra các thông tin gian dối như có khả năng làm thủ tục đưa người đi xuất khẩu lao động ở Hàn Quốc, bản thân hiện đang giữ chức vụ Trưởng phòng địa chính Uỷ ban nhân dân huyện Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh nên biết các dự án và có khả năng mua được các lô đất quy hoạch khi đấu giá làm cho các bị hại tin tưởng chuyển tiền rồi chiếm đoạt. Cụ thể, bị cáo đã chiếm đoạt của 04 người bị hại với tổng số tiền 1.171.000.000 đồng, trong đó của chị Nguyễn Thị Tsố tiền 262.000.000 đồng, chị S số tiền 250.000.000 đồng, chị Đào Thị M số tiền 536.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn P số tiền 123.000.000 đồng. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của những người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án.

Bị cáo Thái Thị P là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, hành vi của bị cáo Thái Thị P đủ yếu tố cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự. Điều đó, khẳng định quyết định truy tố của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ pháp luật, không oan sai.

[3]. Xem xét tính chất nguy hiểm của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự an ninh và gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân. Với bản tính lười lao động lại muốn có tiền tiêu xài nên bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản của nhiều người, hành vi của bị cáo thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Chính vì vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần xử phạt thật nghiêm, cần phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài nhằm cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[4].Về xem xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 BLHS. Bị cáo có tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo, đã bồi thường được một phần tiền cho người bị hại, bị hại xin xem xét giảm nhẹ hình phạt, có ông nội là liệt sĩ, bản thân đang nuôi con nhỏ. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS.

[5].Về hình phạt bổ sung: Xét thấy bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có tài sản riêng nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6].Về trách nhiệm dân sự: Trong quá trình điều tra đã chứng minh được số tiền mà bị cáo Thái Thị P đã chiếm đoạt của những người bị hại cụ thể như sau: Chị Nguyễn Thị Tsố tiền 262.000.000 đồng, chị S số tiền 250.000.000 đồng, chị Đào Thị M số tiền 536.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn P số tiền 123.000.000 đồng, tổng cộng 1.171.000.000 đồng. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay bị cáo Thái Thị P đã trả lại cho chị Đào Thị M số tiền 17.000.000 đồng, chị S số tiền 80.000.000 đồng, chị Nguyễn Thị Thuận số tiền 17.300.000 đồng. Nay 04 người bị hại yêu cầu bị cáo phải tiếp tục bồi thường số tiền mà bị cáo chưa bồi thường, cụ thể chị Nguyễn Thị Tsố tiền 244.700.000 đồng, chị S số tiền 170.000.000 đồng, chị Đào Thị M số tiền 519.000.000 đồng và anh Nguyễn Văn P số tiền 123.000.000 đồng. Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận đã chiếm đoạt số tiền nêu trên và hoàn toàn đồng ý bồi thường theo yêu cầu của những người bị hại, Hội đồng xét xử xét thấy rằng yêu cầu bồi thường của những người bị hại là có căn cứ, đúng pháp luật nên buộc bị cáo phải bồi thường.

[7].Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra đã thu giữ của bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ, bên trong gắn thẻ sim có số thuê bao 0332.551.189. Đối với điện thoại di động là công cụ P tiện bị cáo sử dụng phạm tội nên tịch thu nộp ngân sách nhà nước, đối với thẻ sim điện thoại di động tuy là công cụ P tiện phạm tội nhưng không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

[9]. Những tình tiết khác liên quan đến vụ án:

Trong quá trình làm hồ sơ xuất khẩu lao động cho anh Dbị cáo khai có liên hệ với một người đàn ông tên Phong (không rõ thông tin, lại lịch) qua mạng Facebook và chuyển khoản cho người này 63.240.000 đồng để nhờ làm hồ sơ đi xuất khẩu lao động cho anh D nhưng sau đó, người đàn ông tên Phong cắt liên lạc với bị cáo. Cơ quan điều tra đã tiến hành các biện pháp điều tra nhưng không xác định được thông tin, lai lịch của người đàn ông tên Phong nên không có căn cứ xem xét xử lý hành vi của người này.

Sau khi thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tiền của 04 người bị hại, bị cáo P đã chuyển tiền vào tài khoản ngân hàng của chị Lê Thị Ngọc Thành, chị Phạm Thị Bích Ngọc, anh Đặng Văn Việt, chị Trần Thị Dung, anh Trần Huy Cường, anh Nguyễn Văn Hải, ông Nguyễn Văn Khoa và anh Cao Văn Bằng với tổng số tiền là 305.548.000 đồng để sử dụng việc cá nhân. Kết quả điều tra xác định những người này không biết nguồn gốc số tiền này là do Thái Thị P phạm tội mà có nên không có căn cứ để xem xét xử lý trách nhiệm hình sự đối với những người này.

Đối với anh Trần Huy Cường là người giúp Thái Thị P đặt làm 01 biển chức danh để bàn với nội dung "Chi cục QLĐ huyện Kỳ Anh - THÁI THỊ P - TRƯỞNG PHÒNG" với giá 200.000 đồng. Tuy nhiên, anh Cường không biết mục đích của bị cáo để thực hiện hành vi phạm tội và anh Cường cũng không được hưởng lợi gì nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm đối với anh Trần Huy Cường về hành vi này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. *Về tội danh*: Tuyên bố bị cáo Thái Thị P phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

[2]. *Về điều luật áp dụng và mức hình phạt*:

Căn cứ vào điểm a khoản 4 Điều 174; điểm g khoản 1 Điều 52; tiết đầu điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 38 BLHS xử phạt bị cáo Thái Thị P 12 (*Mười hai*) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

[3]. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 BLHS; các Điều 357, 585, 586 và Điều 589 BLDS năm 2015 xử chấp nhận sự thỏa Tgiữa người bị hại gồm chị Nguyễn Thị Thuận, chị S, chị Đào Thị M và anh Nguyễn Văn P với bị cáo Thái Thị P, buộc bị cáo Thái Thị P phải bồi thường cho 04 người bị hại với tổng số tiền là 1.056.700.000 đồng, cụ thể như sau:

- Chị Nguyễn Thị Tsố tiền 244.700.000 đồng (*Hai trăm bốn mươi mươi bốn triệu bảy trăm nghìn đồng*);

- Chị S số tiền 170.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi triệu đồng*);

- Chị Đào Thị M số tiền 519.000.000 đồng (*Năm trăm mười chín triệu đồng*);

- Anh Nguyễn Văn P số tiền 123.000.000 đồng (*Một trăm hai mươi ba triệu đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả Tthi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[4]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 BLHS; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 màu đỏ;

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) thẻ sim điện thoại di động có số thuê bao 0332.551.189.

(Đặc điểm, tình trạng tang vật có tại biên bản giao, nhận vật chứng ngày ngày 27/12/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Hà Tĩnh và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hà Tĩnh)

[5]. *Về án phí*: Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 6, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản

lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xử buộc bị cáo Thái Thị P phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm và 43.701.000 đồng (*Bốn mươi ba triệu bảy trăm linh một nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[6]. *Về quyền kháng cáo bản án*: Bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- VKSND tỉnh Hà Tĩnh;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Tĩnh;
- Phòng PV06, PC01 Công an tỉnh Hà Tĩnh;
- Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Văn phòng Tòa án (để công bố)
- Lưu HSVA+VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Khắc Hoàn